

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 491/2022/HC-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương

2. Ông Phạm Văn Hề

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2020/TLST-HC ngày
21 tháng 10 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1273/2022/QĐXXST-HC ngày 06
tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn L, sinh năm 1960; Địa chỉ: phường A,
thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Địa chỉ: phường C, thành phố
B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Lê Q – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B,
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Dương T - Công chức Địa chính Xây dựng Đô thị và Môi trường
phường A, thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B; Địa chỉ: phường A, thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, các đương sự: Bà Nguyễn L có mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố B có đơn xin vắng mặt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Q có mặt, ông Dương T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện bà Nguyễn L trình bày:

Từ năm 1981, gia đình bà Nguyễn L đến khu đất bao gồm ao cá, nay thuộc các thửa đất số 22, 25, 27 tờ bản đồ số 52, phường A khai hoang đất trồng chăn nuôi, đào ao, nuôi cá và trồng trọt. Đến năm 1990, gia đình bà có xây dựng nhà ở kiên cố trên đất, đã được cấp sổ hộ khẩu ngày 08/10/1990 và ngày 26/8/1990 gia đình bà thực hiện việc kê khai nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc kê khai nhà, đăng ký, nhà, đất, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đô thị.

Từ năm 1981 cho đến nay, gia đình bà vẫn đang quản lý, sử dụng đất ổn định, đóng thuế sử dụng đất, không tranh chấp với ai và chưa có cơ quan có thẩm quyền nào ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 62, Điều 66 Luật Đất đai 2013, nhưng nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A cử người đến thông báo cho gia đình bà là lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý và cho người rào chắn bằng cột sắt, vách tôn không cho gia đình bà sử dụng lối đi ra vào đất.

Trường hợp của bà được các chính sách pháp luật về đất đai bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 100, Khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai 2013; Khoản 2 Điều 18, Điều 20, Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014; Khoản 16, 17, 18, 19 Điều 2 Nghị định 01/2017/MĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Văn bản số 1173/TTg-KTN ngày 14/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong trường hợp Nhà nước có căn cứ và quyết định để thu hồi đất thì phải thực hiện chính sách pháp luật về thu hồi đất được quy định tại Điều 62 và Điều 66 Luật Đất đai 2013, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị

định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 và Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì gia đình bà sẽ đồng ý thực hiện chủ trương.

Bởi các lẽ trên, bà xác định việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ra các Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trái pháp luật dẫn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A cử cán bộ phường đến phá dỡ, rào chắn lối đi vào quán kinh doanh làm ăn, buôn bán của gia đình bà cùng với thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thuộc thửa 46 tờ bản đồ số 52 tại số 120, Đường 17, phường A trong khi đất do bà đang quản lý sử dụng hợp pháp và chưa có quyết định thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đây là quyết định sai pháp luật, vi phạm Khoản 8, Khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai 2013.

Bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 quyết định trái pháp luật nói trên. Căn cứ vào Điều 163, Điều 170 Bộ luật dân sự 2015, Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do 02 quyết định trên đã gây ra đối với gia đình bà.

Ngày 25/9/2020, bà có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi không cho gia đình bà kiếm sống duy nhất tại khu đất địa chỉ số 120, Đường 17 và khu đất bao gồm cả ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thuộc thửa 46 tờ bản đồ 52, phường A để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 19/3/2021, bà có đơn rút toàn bộ yêu cầu này.

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 1011/UBND-TNMT ngày 06/4/2021, phía người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

1. Về nguồn gốc khu đất bị chiếm:

Khu đất diện tích 10.607m² thuộc thửa đất số 25 và 46 tờ bản đồ số 52 (tài liệu 2004) phường A, quận T có nguồn gốc như sau:

- Phần đất ao cá diện tích 3.454m² thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ số 52 phường A, quận T.

Căn cứ vào Công văn số 7093/UBND-TM ngày 15/11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Ủy ban nhân dân quận T, phần ao cá thuộc khu đất nêu trên là đất công do Nhà nước quản lý.

Theo Công văn nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt đề xuất của Ủy ban nhân dân quận T và Ban chỉ đạo 09 về việc thu hồi phần đất bị chiếm dụng, tạm quản lý làm hồ sơ điều tiết nước mưa.

- Khu đất 7.153m² thuộc thửa đất số 46 tờ bản đồ số 52 phường A quận T:
Trước ngày 30/4/1975: Đất do Công ty Vimytex đứng bộ.

Sau ngày 30/4/1975: theo Tài liệu 299/TTg, đất thuộc một phần thửa 41, tờ bản đồ 02 xã Tăng Nhơn Phú do Ủy ban nhân dân xã Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức đăng ký. Năm 1991, Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thủ Đức quản lý và cho bà Bùi Thị Sáu thuê diện tích 3.000m² để sử dụng làm cơ sở sản xuất gạch (lò gạch).

Tháng 4/1997, sau khi huyện Thủ Đức chia tách thành 03 quận (quận T, Quận 9, Quận 2) khu đất này do Ủy ban nhân dân phường A, quận T quản lý và tiếp tục cho bà Sáu thuê diện tích 3.000m². Năm 2002, bà Sáu chuyển nhượng lò gạch cho con là ông Hồng Văn Đức sử dụng. Năm 2003, ông Đức sang nhượng Lò gạch cho ông Hồ Quang Thọ sử dụng. Ủy ban nhân dân phường A tiếp tục cho ông Hồ Quang Thọ thuê diện tích 3.000m². Năm 2007-2008, Ủy ban nhân dân phường A cho ông Thọ thuê toàn bộ khu đất diện tích đất 7.153m²; đến năm 2009 chấm dứt hợp đồng thuê đất. Ủy ban nhân dân phường A quản lý đến nay.

Đất nằm trong danh sách đất công do Nhà nước quản lý theo Công văn số 7093/UBND-TM ngày 15/11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Ủy ban nhân dân quận T.

2. Về quá trình xử lý hành vi chiếm đất của bà Nguyễn L

Ngày 17/7/2019 Công chức Địa chính Xây dựng Đô thị và Môi trường Ủy ban nhân dân phường A lập các Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 74/BB-VPHCM và số 75/BB-VPHC đối với bà Nguyễn L với hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, diện tích đất chiếm 17m x 5m = 85m², thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ 52 (BĐĐC phường A, quận T – tài liệu đo năm 2004), thời điểm chiếm đất tháng 6/2019 và diện tích đất chiếm 17m x 5m = 85m², thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ 52 (BĐĐC phường A, quận T – tài liệu đo năm 2004), thời điểm chiếm đất tháng 6/2019. Quy định

tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 18/7/2019, Ủy ban nhân dân phường A có Văn bản số 563/UBND, 564/UBND về việc đề xuất xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L.

Ngày 16/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 4633/QĐ-XPVPHC, 4634/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L.

Do bà Nguyễn L không tự thực hiện khắc phục hậu quả, ngày 01/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T ban hành Quyết định số 5530/QĐ-CCXP, Quyết định số 55031/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc bà Nguyễn L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc bà Nguyễn L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là đúng quy định. Do đó, kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn L.

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 175/UBND-TNMT ngày 29/3/2022, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B trình bày:

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn L.

** Tại phiên tòa:*

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày. Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên các ý kiến mà Người bị kiện đã trình bày và yêu cầu Tòa án tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo

quy định của Luật Tổ tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tổ tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn L yêu cầu: hủy Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, do các quyết định trên đã được ban hành đúng quy định pháp luật. Đình Chi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi không cho gia đình bà Lâm kiểm soát duy nhất tại khu đất địa chỉ số 120, Đường số 17 và khu đất bao gồm cả ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ 52, phường A để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP. Ngày 16/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn L. Căn cứ theo quy

định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn L, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Khoản 2 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

- Ngày 17/7/2019 Công chức Địa chính Xây dựng Đô thị và Môi trường Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B lập các biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 74/BB-VP HCM và số 75/BB-VP HC đối với bà Nguyễn L với hành vi chiếm đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất trồng lúa. Ngày 18/7/2019, Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B có Văn bản số 563/UBND và Văn bản số 564/UBND về việc đề xuất xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L. Ngày 16/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành các Quyết định số 4633/QĐ-XPVPHC, Quyết định số 4634/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L. Do bà Nguyễn L không tự thực hiện khắc phục hậu quả, ngày 01/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[4.3] Về nội dung quyết định:

Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, diện tích 56,11m², thuộc một phần thửa đất số 46 tờ bản đồ 52, phường A (tài liệu bản đồ địa chính năm

2004), buộc bà Nguyễn L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất nông nghiệp không phải là đất ở, diện tích 85m², thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ 52, phường A (tài liệu bản đồ địa chính năm 2004), buộc bà Nguyễn L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

Xét thấy:

Khu đất diện tích 10.607m² thuộc thửa đất số 25 và 46 tờ bản đồ số 52 (tài liệu 2004) phường A, quận T có nguồn gốc như sau:

Theo Công văn số 7093/UBND-TM ngày 15/11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Ủy ban nhân dân quận T, phần đất ao cá diện tích 3.454m² thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ số 52 phường A, quận T là đất công do Nhà nước quản lý. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt đề xuất của Ủy ban nhân dân quận T và Ban chỉ đạo 09 về việc thu hồi phần đất bị chiếm dụng, tạm quản lý làm hồ sơ điều tiết nước mưa.

Khu đất 7.153m² thuộc thửa đất số 46 tờ bản đồ số 52 phường A, quận T:

Theo Tài liệu 299/TTg, đất thuộc một phần thửa 41, tờ bản đồ 02 xã Tăng Nhơn Phú do Ủy ban nhân dân xã Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức đăng ký. Năm 1991, Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thủ Đức quản lý. Tháng 04/1997, sau khi huyện Thủ Đức chia tách thành 03 quận (quận T, Quận 9, Quận 2) khu đất này do Ủy ban nhân dân phường A, quận T quản lý đến nay.

Đất nằm trong danh sách đất công do Nhà nước quản lý theo Công văn số 7093/UBND-TM ngày 15/11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Ủy ban nhân dân quận T.

- Ngày 17/7/2019 Công chức Địa chính Xây dựng Đô thị và Môi trường Ủy ban nhân dân phường A lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 74/BB-VPHCM đối với bà Nguyễn L với hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, diện tích đất chiếm 17m x 5m = 85m², thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ 52 (BĐDC phường A, quận T – tài liệu đo năm 2004), thời điểm chiếm đất tháng 6/2019 và Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 75/BB-VPHC đối với bà Nguyễn L với hành vi chiếm đất phi

nông nghiệp không phải là đất ở, diện tích đất chiếm $11\text{m} \times 5,1\text{m} = 56,11\text{m}^2$, thuộc một phần thửa đất số 46 tờ bản đồ 52 (BĐDC phường A, quận T – tài liệu đo năm 2004), thời điểm chiếm đất tháng 7/2019.

- Ngày 18/7/2019, Ủy ban nhân dân phường A có Văn bản số 563/UBND và Văn bản số 564/UBND về việc đề xuất xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L.

- Ngày 16/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 4633/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4634/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L.

Tại phiên tòa, phía người khởi kiện khai từ năm 1981, gia đình bà Lâm sống trong căn nhà do chồng bà Lâm là ông Bùi Quang Minh được Công ty Vật tư và Dịch vụ xuất nhập khẩu Công trình 6 cấp. Nhà trên đã được cấp sổ nhà. Đến năm 1990, bà Lâm Khai hoang và canh tác trên hai khu đất hiện đang bị thu hồi. Diện tích đất bị thu hồi không bao gồm diện tích đất có nhà ở mà bà Lâm đã sinh sống từ năm 1981.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở để xác định, diện tích đất 85m^2 , thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ 52 và diện tích đất $56,11\text{m}^2$, thuộc một phần thửa đất số 46 tờ bản đồ 52 là đất công do Nhà nước quản lý. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố B) xác định bà Lâm có hành vi chiếm đất và ban hành Quyết định số 4633/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4634/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn L là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 66, Điều 67, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 2 Điều 3, Khoản 2, Khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do bà Nguyễn L không có khiếu nại cũng như khởi kiện đối với Quyết định số 4633/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4634/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai và bà Lâm cũng không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính nên Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T (nay là Thành phố B) ban hành Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng với quy định tại Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố B) ban hành đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của bà Nguyễn L.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi không cho gia đình bà Lâm kiếm sống duy nhất tại khu đất địa chỉ số 120, Đường số 17 và khu đất bao gồm cả ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ 52, phường A để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật:

Do vào ngày 19/3/2021 bà Nguyễn L đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện trên nên căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm b Khoản 1 Điều 143, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Khoản 2 Điều 165, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Căn cứ Điều 58, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 73, Điều 86, Khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 3, Khoản 2, Khoản 5 Điều 10, Khoản 2 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử :

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn L gồm các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 5530/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố B) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố B) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi không cho gia đình bà Lâm kiểm soát duy nhất tại khu đất địa chỉ số 120, Đường số 17 và khu đất bao gồm cả ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ 52, phường A để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Bà Lâm được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Lâm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0092848 ngày 19/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân

